

Bản án số: 346/2025/DS-ST

Ngày: 27/05/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thăng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2/ Bà Nguyễn Thị Mây

*Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Thế Chung – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Lan.

Trong ngày 27/05/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 503/2024/TLST-DS ngày 26/06/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐDS-ST ngày 10/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2025/QĐDS-ST ngày 10/03/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2025/QĐDS-ST ngày 09/04/2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 104/2025/QĐDS-ST ngày 28/04/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V

Trụ sở: 89 H, phường L, quận D, thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông K

- Bị đơn: Bà D, sinh năm: 1984

Thường trú: 49M/1 đường HT 44, Khu phố 15, phường T, Quận Q, Thành phố M

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/05/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là ông K trình bày từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2023, Ngân hàng V và bà D có ký kết các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

(1) Ngày 17/01/2022, Ngân hàng V và bà D đã ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ số: LN 2201125077623 với hạn mức sử dụng thẻ là 200.000.000 đồng, lãi suất 33.48%/năm, thời gian sử dụng thẻ là 60 tháng, mục đích sử dụng thẻ là tiêu dung cá nhân. Thực hiện hợp đồng, bà Dung đã sử dụng sử dụng hết hạn mức 200.000.000 đồng và đã thanh toán số tiền nợ gốc 5.935.360 đồng vào ngày 05/08/2023. Tính đến ngày 27/05/2025 dư nợ thẻ của bà

Dung là 396.447.997 đồng, trong đó tiền nợ gốc 194.064.640 đồng và tiền nợ lãi 202.382.997 đồng.

(2) Ngày 26/12/2022, Ngân hàng V và bà D đã ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo số: LN 2212297994032 với số tiền cho vay là 100.000.000 đồng, lãi suất 28%/năm, mục đích vay tiêu dùng. Thực hiện hợp đồng, bà D đã được VPBank giải ngân số tiền vay 100.000.000 đồng. Ngày 05/08/2023 bà Dung đã thanh toán cho VPBank số tiền nợ gốc 12.078.546 đồng và tiền nợ lãi 13.309.906 đồng. Dư nợ tính đến ngày 27/05/2025 là 159.130.177 đồng, trong đó tiền gốc là 87.921.454 đồng và tiền lãi là 71.208.723 đồng.

(3) Ngày 09/01/2023, Ngân hàng V và bà D đã ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo số: LN 2301098112562 với số tiền cho vay là 100.000.000 đồng, lãi suất 28%/năm, thời hạn cho vay là 34 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Thực hiện hợp đồng, bà D đã được VPBank giải ngân số tiền vay 100.000.000 đồng. Ngày 05/08/2023, bà D đã thanh toán cho VPBank số tiền nợ gốc là 11.787.665 đồng và tiền lãi là 13.455.949 đồng. Dư nợ tính đến ngày 27/05/2025 là 158.705.035 đồng, trong đó tiền gốc là 88.212.335 đồng và tiền lãi là 70.492.700 đồng.

(4) Ngày 19/04/2023, Ngân hàng V và bà D đã ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo số: LN 2304218984698 với số tiền cho vay là 100.000.000 đồng, lãi suất 29%/năm, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Thực hiện hợp đồng, bà D đã được VPBank giải ngân số tiền vay 100.000.000 đồng. Ngày 05/08/2023, bà D đã thanh toán cho VPBank số tiền nợ gốc là 6.362.255 đồng và tiền lãi là 6.204.596 đồng. Dư nợ tính đến ngày 27/05/2025 là 170.658.678 đồng, trong đó tiền gốc là 93.637.745 đồng và tiền lãi là 77.020.933 đồng.

Tổng cộng bà D phải thanh toán cho VPBank số tiền 885.941.527 đồng, trong đó nợ gốc là 463.836.174 đồng và nợ lãi là 422.105.353 đồng. Ngoài ra bà Trần Thị Dung còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 28/05/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank.

Bị đơn bà D từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân Quận 12 đã tiến hành triệu tập bị đơn bà D đến Tòa để giải quyết việc kiện của nguyên đơn Ngân hàng V nhưng bà D không đến, sau khi tiến hành xác minh, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, quy định của pháp luật nhưng bà Dung vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa nên mở phiên tòa xét xử.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án. Về mặt tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Quận 12 và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn bà D cư trú tại địa chỉ 49M/1 đường HT 44, Khu phố 15, phường T, Quận Q, Thành phố M. Ngân hàng V là một bên trong hợp đồng có đơn khởi kiện, nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân Quận 12, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo của Ngân hàng V, vụ án có quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn Ngân hàng ủy quyền cho ông K tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà D, từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà D nhưng bà D không đến Tòa án để trình bày lời khai, lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà Dung vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời bà D đã vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà D; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 207, Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Về yêu cầu của các đương sự:*

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng V đối với bị đơn bà D, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ số: LN 2201125077623 ngày 17/01/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo số: LN 2212297994032 ngày 26/12/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo số: LN 2301098112562 ngày 09/01/2023 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo số: LN 2304218984698 ngày 19/04/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và bà Trần Thị Dung đã có đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng V và bà D đã có các giao dịch về hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, các hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo các nội dung thỏa thuận. Sau khi được VPBank giải ngân, bà D đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận, đây chính là nguyên nhân làm phát sinh tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa VPBank và bà Dung.

[5] Về khoản tiền nợ gốc và lãi: Tính đến ngày 27/05/2025, bà D còn nợ của VPBank đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ số: LN 2201125077623 ngày 17/01/2022 là 396.447.997 đồng, trong đó tiền nợ gốc 194.064.640 đồng và tiền nợ lãi 202.382.997 đồng; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo số: LN 2212297994032 ngày 26/12/2022 là 159.130.177 đồng, trong đó tiền gốc 87.921.454 đồng và tiền lãi 71.208.723 đồng; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo số: LN 2301098112562 ngày 09/01/2023 là 158.705.035 đồng, trong đó tiền gốc là

88.212.335 đồng và tiền lãi 70.492.700 đồng và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo số: LN 2304218984698 ngày 19/04/2023 là 170.658.678 đồng, trong đó tiền gốc 93.637.745 đồng và tiền lãi 77.020.933 đồng. Do bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho VPBank theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết nên VPBank khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án buộc bà D phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/05/2025 số tiền 885.941.527 đồng, trong đó nợ gốc là 463.836.174 đồng và nợ lãi là 422.105.353 đồng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 418, 468, 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, bà D còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết kể từ ngày 28/05/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản vay.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị Dung phải chịu 38.578.246 (Ba mươi tám triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi sáu) đồng;
- Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng V

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 299, 317, 318, 323, 418, 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 90, 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng V.

Buộc bà D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V số tiền 885.941.527 (Tám trăm tám mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi một nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 463.836.174 (Bốn trăm sáu mươi ba triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi tư) đồng và nợ lãi là 422.105.353 (Bốn trăm hai mươi hai triệu một trăm lẻ năm nghìn ba trăm năm mươi ba) đồng, thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu số tiền án phí là 38.578.246 (Ba mươi tám triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi sáu) đồng.

- Trả lại Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí 14.309.392 (Mười bốn triệu ba trăm lẻ chín nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng, theo biên lai thu tiền số 0005170 ngày 26/06/2024.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014”.*

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.12; (1)
- CC.THADS Q. 12; (1)
- Hai bên đ/sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ, Vp. (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thắng**